

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 12- 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Diệu

Bà Vũ Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn K - Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Vũ Thị N - Sinh năm 1971.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh K. Vắng mặt chị N (mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đặng Văn K trình bày:

Anh và chị Vũ Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/1992 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng khác nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2016, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã T ở và không ai quan tâm

đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Vũ C - Sinh ngày 05/8/1994 và Đặng Thị T - Sinh ngày 25/4/1996, hiện tại hai con đã trưởng thành, tự lập. Anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018, ông Vũ Trung H (là bố đẻ của chị Vũ Thị N) cung cấp như sau: Chị Vũ Thị N đã biết việc anh Đặng Văn K có đơn xin ly hôn nhưng do bận công việc nên chị không đến Tòa án làm việc và có quan điểm như sau: Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể đoàn tụ được nên đồng ý ly hôn; Về con chung: Hai con chung là Đặng Vũ C - Sinh năm 1994 và Đặng Thị T - Sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh K: Vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã có mặt viết bản tự khai, nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng anh K, chị N đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đặng Văn K. Về con chung của anh K và chị N đã trưởng thành, tự lập được nên không xem xét. Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh K phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị N nhưng chị N vẫn vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Anh Đặng Văn K và chị Vũ Thị N kết hôn với nhau vào ngày 17/01/1992 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, không ai quan tâm đến ai.

Sau khi anh K có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trục Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh K cho chị N nhưng chị N không đến Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của anh K, TAND huyện Trục Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018, ông Vũ Trung H (là bố đẻ của chị Vũ Thị N) cung cấp: Chị Vũ Thị N đã biết việc anh Đặng Văn K có đơn xin ly hôn nhưng do bận công việc nên chị không đến Tòa án làm việc và có quan điểm như sau: Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể đoàn tụ được nên đồng ý ly hôn; Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành, tự lập được nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thực tế: Anh K và chị N đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2016, hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị N đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh K xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Đặng Vũ C - Sinh năm 1994 và Đặng Thị T - Sinh năm 1996. Hiện nay con chung đã trưởng thành, tự lập được, hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh K và chị N không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện anh K và chị N có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Đặng Văn K và chị Vũ Thị N.

2. Án phí: Anh Đặng Văn K nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh K đã nộp theo biên lai thu tiền số 04801 ngày 23/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Anh Đặng Văn K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Vũ Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Thái Hà